



HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC

**TIÊU CHUẨN VÀ QUY TRÌNH
XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH GIÁO SƯ, PHÓ GIÁO SƯ
NĂM 2021**

NỘI DUNG

- A. Một số thông tin về công tác xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư năm 2021;
- B. Quy định về tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư;
- C. Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Giáo sư các cấp;
- D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư;
- E. Hồ sơ và quy trình xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư.

A. MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TÁC XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GS, PGS NĂM 2021

- Thành lập 98 Hội đồng Giáo sư cơ sở năm 2021.
- Tổng số ứng viên đã đăng ký: 631 ứng viên (86 ứng viên GS; 545 ứng viên PGS).
- Số lượng HĐGS ngành, liên ngành xét hồ sơ trực tuyến: 05 HĐ (Công nghệ thông tin, Điện-Điện tử-Tự động hóa, Thủy lợi, Toán học, Vật lý).
- HĐGS cơ sở có số ứng viên đăng ký nhiều nhất: 27 ứng viên (06 ứng viên GS, 21 ứng viên PGS).
- HĐGS cơ sở có số ứng viên đăng ký ít nhất: 01 ứng viên PGS.

B. Quy định về tiêu chuẩn chức danh GS, PGS (1)

I. CĂN CỨ CHÍNH:

1. Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 được sửa đổi bổ sung một số điều tại **Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg** ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư.

2. Thông tư số 04/2019/TT-BGDĐT ngày 28/3/2019 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐGS nhà nước, các HĐGS ngành, liên ngành và HĐGS cơ sở được sửa đổi bổ sung một số điều tại **Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT** ngày 19/3/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, **Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT** ngày 21/12/2014, **Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT** ngày 27/07/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định chế độ làm việc đối với giảng viên.

B. Quy định về tiêu chuẩn chức danh GS, PGS (2)

II. Một số điểm quan trọng của Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg

2.1. Quy định rõ đối tượng là giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng theo quy định của pháp luật đang giảng dạy ở các đại học, trường đại học, học viện, viện nghiên cứu đào tạo trình độ tiến sĩ, cơ sở thực hành của các cơ sở GDĐH nhóm ngành sức khỏe của Việt Nam.

2.2. Về thâm niên và công trình khoa học

2.2.1. Về thâm niên đào tạo: UV chưa đủ thâm niên (UV GS - 3 năm, UV PGS - 6 năm), không đủ số giờ chuẩn giảng dạy thì phải **gấp hai lần** điểm công trình tối thiểu; Ứng viên PGS phải có bằng tiến sĩ từ 3 năm trở lên.

2.2.2. Tiêu chuẩn bắt buộc: Phải có bài báo khoa học là tác giả chính đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín hoặc (và) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc tế (sau đây gọi chung là công trình khoa học - CTKH); các CTKH này được sử dụng để bù cho các tiêu chuẩn không đủ.

B. Quy định về tiêu chuẩn chức danh GS, PGS (3)

2.2.3. Tiêu chuẩn về chủ trì nhiệm vụ KH&CN, hướng dẫn chính NCS, học viên cao học là tiêu chuẩn bắt buộc, nhưng không được tính điểm công trình khoa học quy đổi. Nếu không đủ các tiêu chuẩn này được thay thế bằng các công trình khoa học.

2.2.4. Tiêu chuẩn về chủ trì biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên là bắt buộc đối với ứng viên GS, ứng viên không đủ số điểm sách phục vụ đào tạo được bù bằng điểm của các công trình khoa học.

B. Quy định về tiêu chuẩn chức danh GS, PGS (4)

2.3. Về tổng điểm các công trình khoa học quy đổi

- Tổng điểm các CTKH quy đổi tối thiểu đối với tiêu chuẩn GS - 20 điểm, đối với PGS - 10 điểm.
- Các nhiệm vụ KH&CN, hướng dẫn NCS không tính điểm vào **Tổng điểm**.
- Cơ cấu của tổng điểm quy đổi tối thiểu có phân biệt theo các lĩnh vực: Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật và công nghệ, Khoa học sức khỏe, Khoa học xã hội và nhân văn, Nghệ thuật, Thể dục thể thao.

C. Chức năng, nhiệm vụ của HĐGS các cấp (1)

I. Quy định trách nhiệm HĐGS các cấp

1.1.1. Hội đồng Giáo sư cơ sở:

- Thẩm định tính pháp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ ứng viên;
- Xét các điều kiện theo quy định tại các Điều 4, 5, 6 và 7 - Quyết định 37;
- Phối hợp với cơ sở GDĐH tổ chức đánh giá năng lực ngoại ngữ phục vụ công tác chuyên môn và khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh;
- Phối hợp với người đứng đầu cơ sở GDĐH hoàn thiện hồ sơ, báo cáo kết quả xét lên HĐGSNN;
- Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các khiếu nại, tố cáo có liên quan.

C. Chức năng, nhiệm vụ của HĐGS các cấp (2)

1.2. HĐGS ngành, liên ngành:

- Là bộ phận chuyên môn của HĐGSNN;
- Tổ chức thẩm định hồ sơ ứng viên và kết quả xét của HĐGSCS;
- Xác định năng lực chuyên môn, kết quả NCKH, định hướng nghiên cứu của ứng viên;
- Đánh giá, xác định các điều kiện tiêu chuẩn bắt buộc;
- Đánh giá và **cho điểm các công trình quy đổi** theo quy định tại Điều 4, 5, 6 và 7 – Quyết định 37;
- Đánh giá khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh của ứng viên thông qua Báo cáo tổng quan và trao đổi, thảo luận với ứng viên (đối với ngành đặc thù, ứng viên trình bày Báo cáo KHTQ bằng tiếng Việt, HĐGSN/LN phối hợp với HĐGSNN tổ chức đánh giá trình độ giao tiếp bằng tiếng Anh của ứng viên).

C. Chức năng, nhiệm vụ của HĐGS các cấp (3)

1.3. Hội đồng Giáo sư nhà nước:

- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động của các HĐGS cơ sở và HĐGS ngành, liên ngành;
- Xem xét hồ sơ đánh giá ứng viên tại HĐGS cơ sở, HĐGS ngành, liên ngành và bỏ phiếu tín nhiệm;
- Công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS.

C. Chức năng, nhiệm vụ của HĐGS các cấp (4)

II. Về trách nhiệm của thành viên HĐGS các cấp

+ Từng thành viên HĐGS ngành, liên ngành phải viết bản nhận xét (*nêu rõ điểm mạnh, điểm yếu về chuyên môn và kết luận UV có đủ hoặc không đủ điều kiện*) trước khi biểu quyết cho UV báo cáo khoa học tổng quan;

+ Biểu quyết bằng phiếu kín: Tại HĐGS cơ sở và HĐGS ngành, liên ngành phải đạt ít nhất $\frac{2}{3}$ số phiếu của tổng số thành viên HĐ; tại HĐGSNN phải đạt ít nhất $\frac{1}{2}$ số phiếu của tổng số thành viên HĐ.

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (1)

I. Quy định chung (Điều 4 - QĐ 37):

| | Giáo sư (Điều 4, khoản 1 Điều 5) | Ph.giáo sư (Điều 4, khoản 1 Điều 6) |
|--|---|---|
| 1. Đạo đức nghề nghiệp | Không vi phạm đạo đức nhà giáo, không đang trong thời gian bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên hoặc thi hành án hình sự; trung thực, khách quan trong đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn. | |
| 2. Thời gian làm nhiệm vụ ĐT từ trình độ đại học trở lên đến ngày hết hạn nộp hồ sơ | a) Đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 5: Được bổ nhiệm chức danh PGS ≥ 3 năm tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ 30/7/2021. | Đủ theo quy định khoản 2, khoản 3 Điều 6: Có thâm niên đào tạo ≥ 6 năm trong đó 03 năm cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ 30/7/2021. |
| | b) Thời gian làm chuyên gia giáo dục tại cơ sở GDĐH nước ngoài được tính là thời gian đào tạo, nếu có: công hàm hoặc hợp đồng mời giảng của cơ sở GDĐH nước ngoài (ghi rõ nội dung công việc, thời gian giảng dạy); quyết định của Bộ trưởng BGD&ĐT cử đi làm chuyên gia giáo dục ở nước ngoài; | |
| | c) Giảng viên có trên 10 năm liên tục làm nhiệm vụ đào tạo mà trong 03 năm cuối có ≤ 12 tháng đi thực tập, nâng cao trình độ => không tính là gián đoạn. | |
| 3. Hoàn thành nhiệm vụ và số giờ chuẩn GD | Đủ theo quy định của Bộ GD&ĐT (có ít nhất 1/2 số giờ chuẩn giảng dạy là trực tiếp trên lớp); Đối với GV thỉnh giảng phải thực hiện ít nhất 50% định mức giờ chuẩn giảng dạy => phải kèm xác nhận, đánh giá bằng văn bản của người đứng đầu cơ sở GDĐH. | |
| 4. Ngoại ngữ | Thành thạo ít nhất một ngoại ngữ phục vụ chuyên môn; có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh. | |

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (2)

II. Quy định riêng (Điều 5, 6 - QĐ 37):

| Giáo sư (Điều 5) | Phó giáo sư (Điều 6) |
|--|--|
| <p>K2. Bổ nhiệm PGS \geq 03 năm</p> <p>- Chưa đủ 03 năm, không đủ số giờ chuẩn GD \Rightarrow phải ít nhất gấp hai lần điểm công trình KH quy định tại điểm b khoản 9 Điều này.</p> | <p>K2. Phải có bằng TS đủ 03 năm trở lên kể từ ngày ký quyết định cấp bằng tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ.</p> |
| <p>K3. Đã chủ trì hoặc tham gia phát triển chương trình đào tạo từ trình độ đại học trở lên hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cấp có thẩm quyền thẩm định và đưa vào sử dụng.</p> | <p>K3. Có ít nhất 06 năm, trong đó phải có 03 năm cuối liên tục tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ ĐH trở lên tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ;</p> <p>Không đủ 06 năm và không đủ số giờ chuẩn GD \Rightarrow phải có ít nhất gấp hai lần điểm CTKH quy đổi quy định tại điểm b khoản 8 Điều này.</p> |

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (3)

| | Giáo sư (Điều 5) | Phó giáo sư (Điều 6) |
|---|--|---|
| <p>4. Công bố kết quả nghiên cứu khoa học. CTKH: bài báo khoa học hoặc (và) bằng độc quyền sáng chế; giải pháp hữu ích; tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng Q.té</p> | <p>Tiêu chuẩn bắt buộc:</p> <p>a) Là tác giả chính đã công bố được ít nhất 05 CTKH (<i>Bài báo KH; bằng độc quyền SC; GP hữu ích; TP nghệ thuật, TT huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc tế</i>);</p> <p>Không đủ CTKH => phải có ít nhất 03 trong số các CTKH nêu trên và 02 chương sách phục vụ ĐT do một NXB có uy tín trên thế giới XB hoặc có ít nhất 03 trong số các CTKH và 02 sách chuyên khảo do một NXB có uy tín xuất bản.</p> | <p>Tiêu chuẩn bắt buộc:</p> <p>a) Là tác giả chính đã công bố được ít nhất 03 CTKH (<i>BBKH; bằng ĐQSC; GP HI; TP nghệ thuật, TT huấn luyện, thi đấu TDTT đạt giải thưởng quốc tế</i>);</p> <p>Không đủ CTKH => có ít nhất 02 trong số các công trình nêu trên và 01 chương sách phục vụ ĐT do một NXB có uy tín trên thế giới XB hoặc có ít nhất 02 trong số các công trình nêu trên và 01 sách chuyên khảo do một NXB có uy tín xuất bản.</p> |

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (4)

| Giáo sư (Điều 5) | |
|--|---|
| <p>Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên =></p> <p>Yêu cầu bắt buộc đối với ứng viên GS</p> | <p>K5. Chủ trì biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư.</p> |

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (5)

| | Giáo sư (Điều 5) | Phó giáo sư (Điều 6) |
|--|--|---|
| Nhiệm vụ khoa học và công nghệ (NVKHCN) | <p>K6. - Chủ trì thực hiện ít nhất 02 NVKHCN cấp bộ hoặc 01 NVKHCN cấp quốc gia đã nghiệm thu kết quả từ đạt yêu cầu trở lên.</p> <p>- Không đủ 02 NVKHCN cấp bộ (thiếu 01) => được thay thế = 01 CTKH.</p> | <p>K5. - Chủ trì thực hiện ít nhất 02 NVKHCN cấp cơ sở hoặc 01 NVKHCN cấp Bộ đã nghiệm thu kết quả từ đạt yêu cầu trở lên.</p> <p>- Không đủ 02 NVKHCN cấp cơ sở (thiếu 01) => được thay thế bằng 01 CTKH.</p> |

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (6)

| | Giáo sư (Điều 5) | Phó giáo sư (Điều 6) |
|---|--|---|
| Tiêu chuẩn hướng dẫn NCS và HV cao học | <p>K7. Hướng dẫn chính ít nhất 02 NCS được cấp bằng TS theo quy định của pháp luật.</p> <ul style="list-style-type: none">- Không hướng dẫn đủ 02 NCS: được sử dụng 03 CTKH thay thế cho 01 NCS còn thiếu. | <p>K6. H.dẫn ít nhất 02 HV được cấp bằng ThS hoặc h.dẫn chính hoặc phụ ít nhất 01 NCS được cấp bằng TS.</p> <ul style="list-style-type: none">- Với ngành KHSK, hướng dẫn 01 HV bảo vệ thành công LV chuyên khoa hoặc bác sĩ nội trú = hướng dẫn 01 HV được cấp bằng ThS;- Không hướng dẫn đủ 02 HV hoặc NCS: được sử dụng 01 CTKH thay thế cho 01 HV còn thiếu. |

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (7)

| | Giáo sư (Điều 5) | Phó giáo sư (Điều 6) |
|---|---|--|
| Bài báo khoa học quy định tại Điều 5 và Điều 6 | K8. Được công bố trên các tạp chí KHQT có uy tín từ sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh PGS. | K7. Được công bố trên các tạp chí KHQT có uy tín từ sau khi ứng viên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ. |

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (8)

| | Giáo sư (Điều 5) | Phó giáo sư (Điều 6) |
|--|--|---|
| Tổng số điểm CTKH quy đổi tối thiểu | K9. Có ít nhất 20,0 điểm CTKH quy đổi, trong đó: | K8. Có ít nhất 10,0 điểm CTKH quy đổi, trong đó: |
| | a) Có ít nhất 5,0 điểm thực hiện trong 03 năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ. | a) Có ít nhất 2,5 điểm thực hiện trong 03 năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp HS. |
| | b) - UV lĩnh vực KHTN, KT&CN, KHSK phải có ít nhất 12,0 điểm CTKH. - UV Lĩnh vực KHXH&NV, NT, TDTT phải có ít nhất 8,0 điểm CTKH. | b) - UV thuộc lĩnh vực KHTN, KT&CN, KHSK phải có ít nhất 6,0 điểm CTKH. - UV lĩnh vực KHXH&NV, NT, TDTT phải có ít nhất 4,0 điểm CTKH. |

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (9)

| | Giáo sư (Điều 5) |
|--|--|
| Tổng số điểm CTKH quy đổi tối thiểu | <p>c) - UV lĩnh vực KHTN, KT&CN, KH sức khỏe phải có ít nhất 3,0 điểm CTKH từ việc biên soạn sách phục vụ ĐT, trong đó có ít nhất 1,5 điểm tính từ biên soạn giáo trình hoặc (và) sách chuyên khảo.</p> <p>- Ứng viên lĩnh vực KH&NV, NT, TDTT có ít nhất 5,0 điểm CTKH từ việc biên soạn sách phục vụ ĐT, trong đó có ít nhất 2,5 điểm tính từ biên soạn giáo trình hoặc (và) sách chuyên khảo.</p> <p>- Không đủ số điểm quy định trên thì được thay thế bằng điểm quy đổi từ các CTKH.</p> <p>=> Quy định bắt buộc phải có đối với ứng viên GS.</p> |

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (10)

III. Cơ cấu điểm quy đổi

| CHỈ TIÊU | | GS (K9, Điều 5) | PGS (K8, Điều 6) |
|--------------------------------------|--|----------------------------|------------------|
| Tổng điểm | | ≥ 20 | ≥ 10 |
| Trong đó: 3 năm cuối | | ≥ 5 | $\geq 2,5$ |
| Lĩnh vực: KHTN, KT&CN, KHSK | Điểm từ bài báo KH; bằng độc quyền sáng chế; giải pháp hữu ích. | ≥ 12 | ≥ 6 |
| | Sách phục vụ đào tạo (điểm c, khoản 9, Điều 5) <u>Trong đó</u> : Giáo trình hoặc (và) Chuyên khảo | ≥ 3 $\geq 1,5$ | |

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (11)

| CHỈ TIÊU | | GS (K9, Điều 5) | PGS (K8, Điều 6) |
|--|--|------------------------|------------------|
| Lĩnh vực: KHXH & NV, NT, TDTT | Điểm từ bài báo KH, giải pháp hữu ích; tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế. | ≥ 8 | ≥ 4 |
| | Sách phục vụ đào tạo (điểm c, khoản 9, Đ. 5) <u>Trong đó</u> : Giáo trình hoặc (và) Chuyên khảo | ≥ 5 $\geq 2,5$ | |

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GS NĂM 2021

ĐẠO ĐỨC NGOẠI NGỮ

ĐÀO TẠO

Chủ trì biên soạn sách phục vụ ĐT, (hoặc tham gia) PTCTĐT, từ trình độ ĐH trở lên đã được thẩm định và đưa vào sử dụng

- Đủ số giờ chuẩn giảng dạy;
- Bổ nhiệm PGS ≥ 3 năm.

Thiếu giờ chuẩn GD, bổ nhiệm PGS dưới 3 năm => gấp đôi số điểm CTKH quy đổi tối thiểu:

KHTN, KT&CN,
KHSK: ≥ 24 điểm

KHXH&NV, NT,
TDTT: ≥ 16 điểm

Hướng dẫn ≥ 02 NCS được cấp bằng TS

Không đủ: thay thế 01 NCS = 03 CTKH

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Thực hiện NVKHCN, UDKHCN đã được thẩm định và đưa vào sử dụng

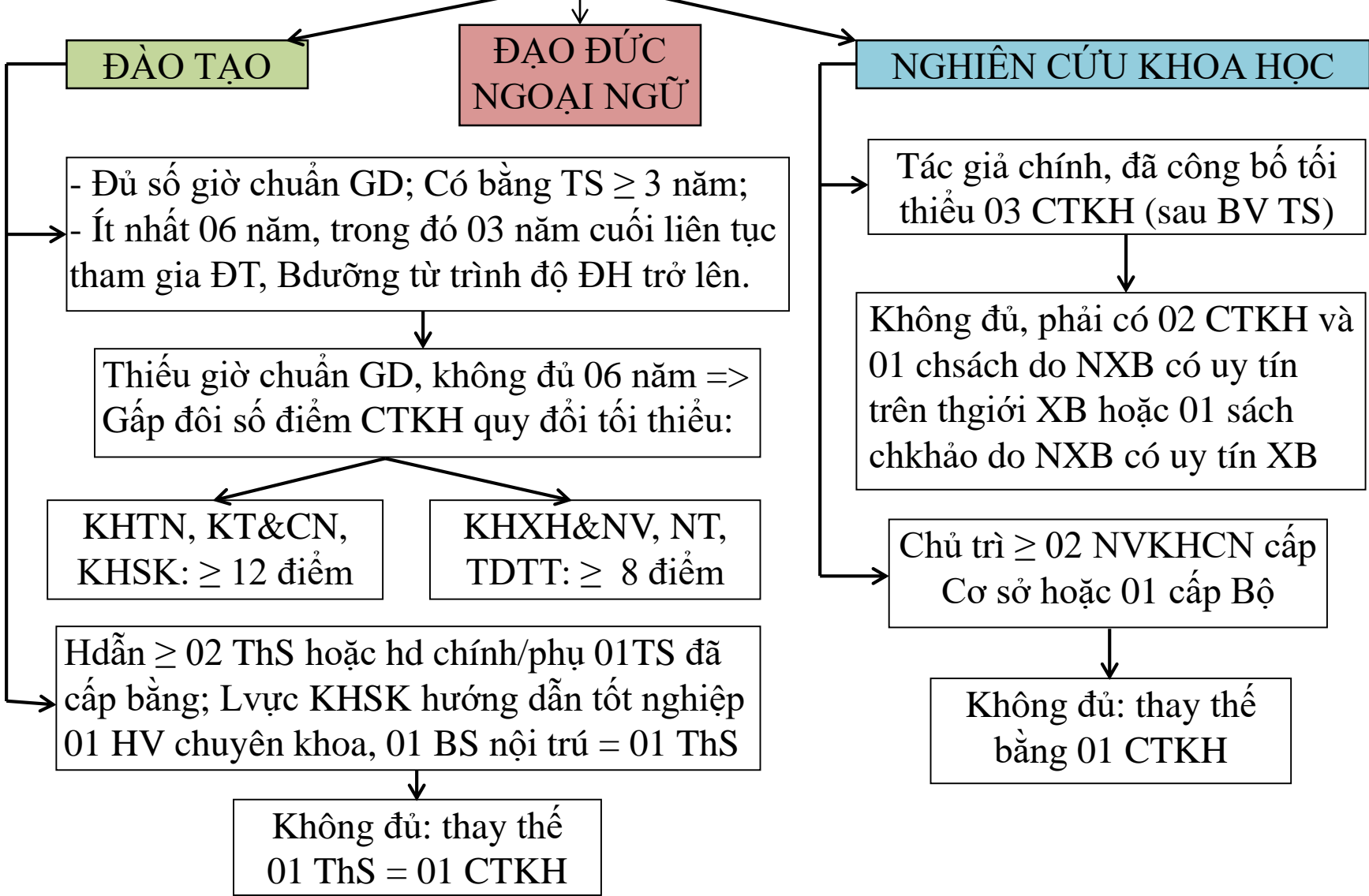
Tác giả chính, công bố tối thiểu 05 CTKH (sau đạt TCCD PGS)

Không đủ, phải có 03 CTKH và 02 chương sách do NXB có uy tín trên thới XB hoặc 02 sách chkhảo do NXB có uy tín XB

Chủ trì ≥ 02 NVKHCN cấp Bộ hoặc 01 cấp QG

Không đủ: thay thế 01 NVKH cấp Bộ = 01 CTKH

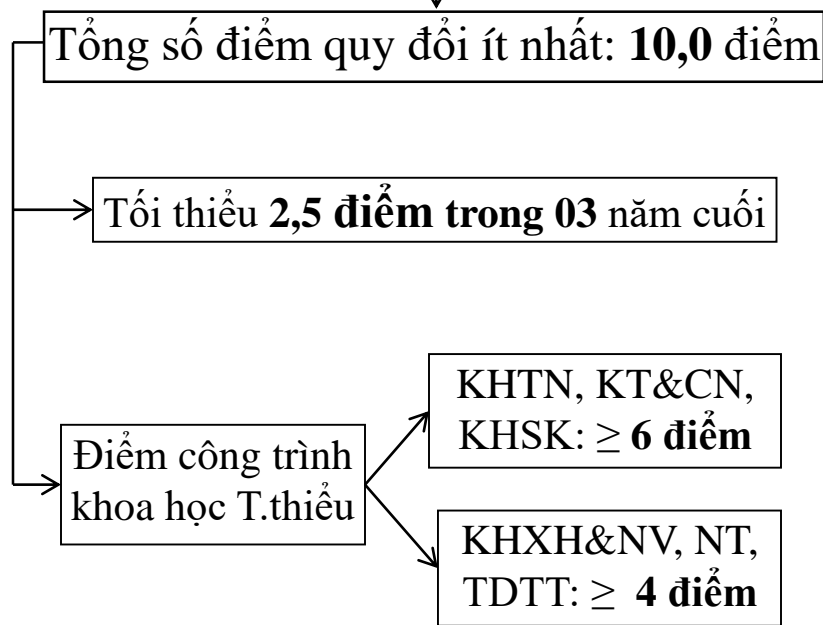
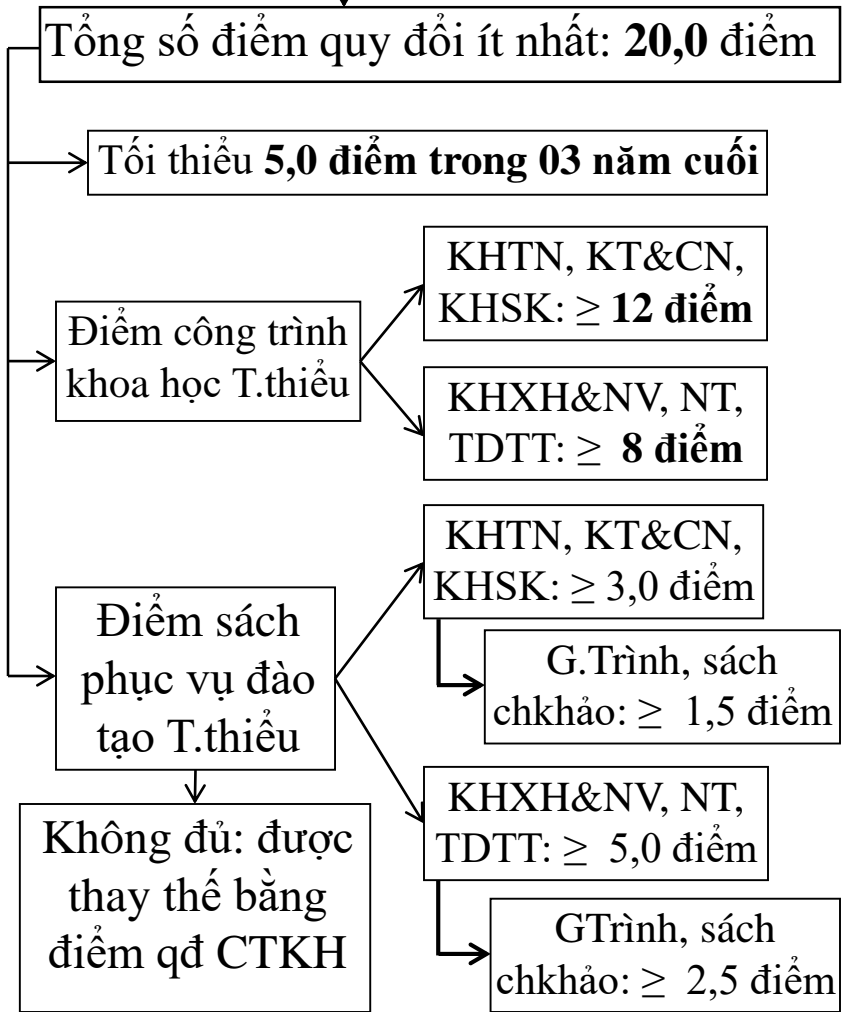
TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PGS NĂM 2021



CƠ CẤU ĐIỂM QUY ĐỔI TỐI THIỂU

GIÁO SƯ

PHÓ GIÁO SƯ



NHỮNG NỘI DUNG KHÁC (1)

I. CTKH được tính điểm quy đổi (Điều 7)

1.1. CTKH quy đổi bao gồm:

- a) Bài báo khoa học;
- b) Kết quả nghiên cứu, ứng dụng KH-CN được cấp bằng độc quyền sáng chế trong nước, quốc tế;
- c) Giải pháp hữu ích được ứng dụng có hiệu quả trong thực tiễn quản lý nhà nước, trong đổi mới quản lý và phát triển kinh tế - xã hội;
- d) Sách đề đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên đã được cấp có thẩm quyền thẩm định, nghiệm thu và sử dụng; chương sách do NXB có uy tín trên thế giới xuất bản;
- đ) Báo cáo KH được xuất bản toàn văn trong kỷ yếu có mã số chuẩn quốc tế ISBN của hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế;
- e) Tác phẩm nghệ thuật (sáng tác âm nhạc, sân khấu, điện ảnh, múa, mỹ thuật, kiến trúc và công trình biểu diễn nghệ thuật), thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

NHỮNG NỘI DUNG KHÁC (2)

1.2. Mỗi loại *công trình khoa học phải có nội dung phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký* và được tính bằng điểm quy đổi theo Phụ lục I, Quyết định 37. Tính điểm quy đổi căn cứ vào chất lượng khoa học; đối với các bài báo KH, căn cứ vào hệ số ảnh hưởng của tạp chí, chỉ số trích dẫn của bài báo.

1.3. CTKH có nội dung trùng lặp với công trình khác từ $\geq 30\%$ chỉ tính điểm quy đổi một lần.

1.4. Không tính: Bài đăng báo và sách phổ biến khoa học, tóm tắt kết quả nghiên cứu, báo cáo tổng kết, tổng quan, nhận xét, đánh giá, dịch thuật.

NHỮNG NỘI DUNG KHÁC (3)

II. Cách tính điểm cho tác giả và tính điểm quy đổi cho CTKH

Điều 8. Cách tính điểm cho tác giả của CTKH:

- Có nhiều tác giả tham gia thì tác giả chính được hưởng $1/3$ số điểm;
- Số điểm còn lại được chia theo giá trị đóng góp của mỗi người kể cả tác giả chính;
- Trường hợp không thể xác định cụ thể thì số điểm còn lại được chia đều cho từng người tham gia.

NHỮNG NỘI DUNG KHÁC (4)

Phụ lục 1. Cách tính điểm các công trình khoa học quy đổi, được sửa đổi tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg ngày 31/8/2020:

- Thống nhất nguyên tắc tính điểm các công trình khoa học: Chỉ quy định điểm tối đa (giới hạn trên) đối với các công trình khoa học, giới hạn dưới phụ thuộc vào chất lượng cụ thể của công trình khoa học, bảo đảm tính hợp hiến hợp pháp ở Việt Nam... Cụ thể:

+ Bài báo KH công bố trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín được tính tối đa 2.0, nếu có IF, Hệ số trích dẫn vượt trội được cộng tối đa 50%;

+ Bằng độc quyền sáng chế được tính tối đa đến 3,0 điểm;

+ Giải pháp hữu ích ứng dụng có hiệu quả - tính tối đa đến 2,0 điểm.

- Báo cáo khoa học có trong danh mục của Web of Science và Scopus được tính điểm như bài báo khoa học, nhưng không được coi là bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín.

E. Hồ sơ và quy trình xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư (1)

I. Danh mục hồ sơ (*Điều 9 Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg*)

1. Bản đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn CD GS, PGS (Mẫu số 01 Phụ lục II).
2. Bản sao Quyết định công nhận hoặc bổ nhiệm CD PGS hoặc Bản sao bằng TS.
3. Bản sao văn bằng, chứng chỉ thành thạo ngoại ngữ theo khoản 5 Điều 2.
4. Bản sao quyết định hoặc hợp đồng thỉnh giảng đối với GV thỉnh giảng.
5. Bản nhận xét của người đứng đầu CSGDĐH về kết quả ĐT và NCKH (Mẫu 02 Phụ lục II).

E. Hồ sơ và quy trình xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư (2)

I. Danh mục hồ sơ (*Điều 9 – tiếp theo*)

6. Bản sao các quyết định giao nhiệm vụ hướng dẫn tiến sĩ, thạc sĩ.
7. Bản sao bằng TS, bằng ThS của người học mà ứng viên được giao hướng dẫn.
8. Bản sao quyết định hoặc hợp đồng giao nhiệm vụ KH-CN; Biên bản nghiệm thu hoặc quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH-CN.
9. Bản sao (chụp) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia, quốc tế và các tài liệu minh chứng kèm theo.

E. Hồ sơ và quy trình xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư (3)

I. Danh mục hồ sơ (*Điều 9 – tiếp theo*)

10. Bản sao công hàm hoặc hợp đồng mời giảng dạy của CSGDĐH nước ngoài có ghi rõ thời gian làm chuyên gia và QĐ cử đi làm chuyên gia giáo dục ở nước ngoài của Bộ GD&ĐT Việt Nam.

11. Bản BCKH tổng quan (Mẫu số 03 Phụ lục II).

12. Bản chụp BBKH đã công bố, sách phục vụ ĐT đã được thẩm định và nghiệm thu theo quy định.

13. Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách, giấy xác nhận tham gia xây dựng, PTCTĐT hoặc chương trình NC, UĐKH-CN của người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học.

14. Các bản sao phải được chứng thực hoặc công chứng theo quy định của pháp luật.

E. Hồ sơ và quy trình xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư (4)

II. Hình thức, quy cách bộ hồ sơ đăng ký (Điều 10 – Quyết định 37/2018/QĐ-TTg)

1. Bộ hồ sơ được quy định như sau:

a) Hồ sơ được in, chụp trên giấy A4, đóng bìa, có mục lục và đánh số trang;

b) Bộ HS đóng thành hai tập: Tập I gồm các tài liệu quy định từ khoản 1 - khoản 11 Điều 9; tập II gồm các bài báo KH, sách phục vụ đào tạo sắp xếp theo từng loại công trình, thứ tự thời gian và tài liệu quy định tại khoản 12, khoản 13 Điều 9 (Mẫu số 04 Phụ lục II).

c) HS được số hóa thành tài liệu điện tử định dạng PDF và đăng ký trực tuyến trên Trang TTĐT tử của CSGDĐH (nơi nhận hồ sơ) và trên Trang TTĐT của HĐ Giáo sư nhà nước.

E. Hồ sơ và quy trình xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư (5)

2. BCKH tổng quan về việc thực hiện nhiệm vụ quy định (khoản 11 Điều 9) được trình bày dưới dạng một CTKH, trình bày ý tưởng KH, hướng NC chính, PPNC, kết quả ĐT&NC từ sau khi có bằng/quyết định cấp bằng TS *hoặc* từ sau khi được bổ nhiệm chức danh PGS. BCKH tổng quan không quá 10 trang giấy A4.

3. Ứng viên chịu trách nhiệm về tính pháp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ và các văn bản sao chụp; cung cấp bản chính hoặc tài liệu gốc để đối chiếu khi CQ có thẩm quyền yêu cầu.

4. Các CTKH, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích của cơ quan có liên quan đến nội dung bí mật nhà nước, bí mật quốc phòng, an ninh phải được bảo vệ theo quy định của pháp luật và thực hiện theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

E. Hồ sơ và quy trình xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư (6)

III. Thủ tục đăng ký

(Điều 11 – Quyết định 37/2018/QĐ-TTg)

1. Ứng viên là GV cơ hữu của CSGDĐH nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện: 01 bản đăng ký kèm 02 ảnh chân dung (4 cm x 6 cm); Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 10 tại HĐGSCS của đơn vị mình và đăng ký HS điện tử trực tuyến trên Trang TTĐT của CSGDĐH và Trang TTĐT của HĐGSNN.

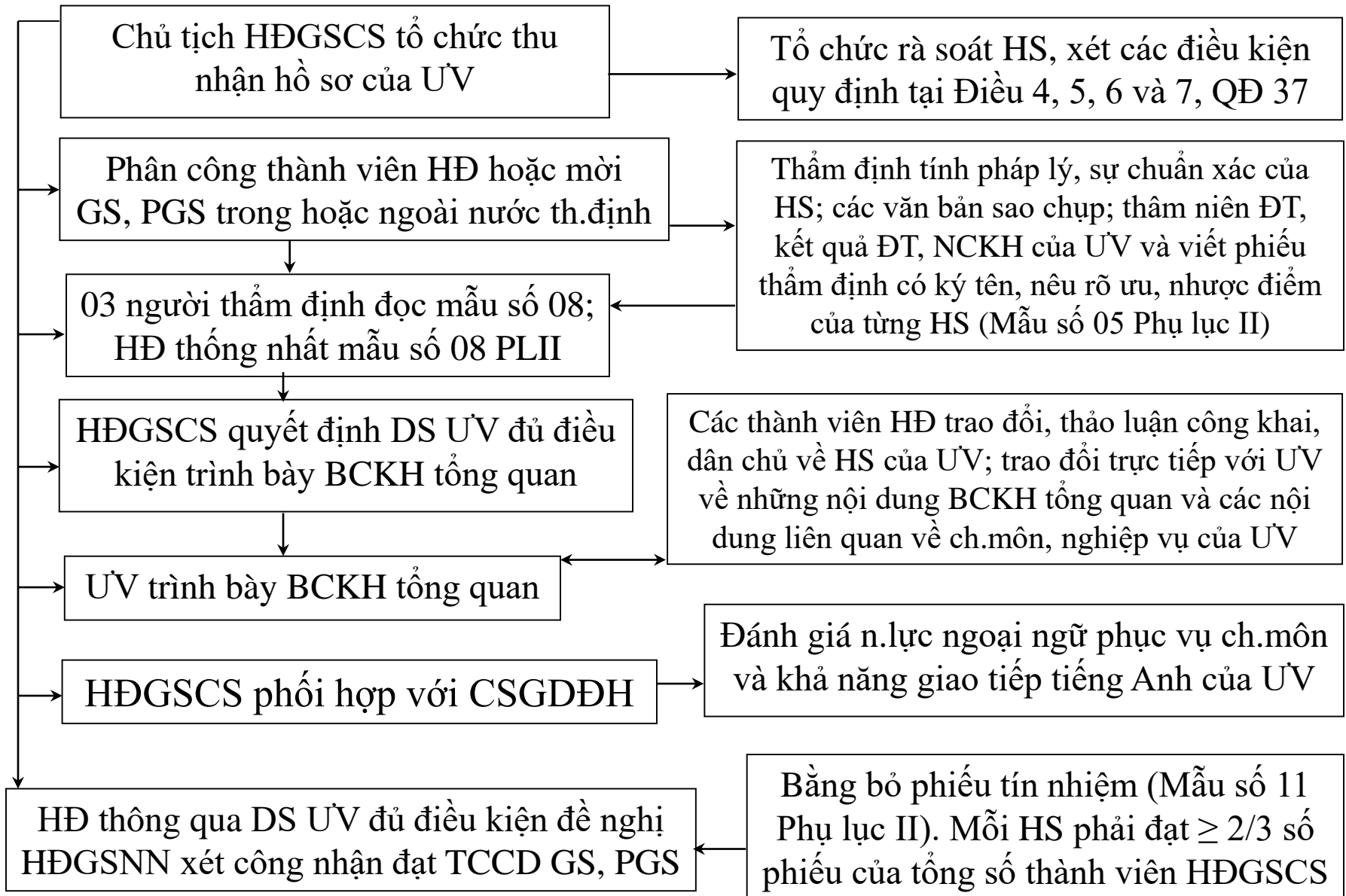
2. Ứng viên là GV cơ hữu của CSGDĐH không thành lập HĐGSCS và ứng viên là GV thỉnh giảng nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện: 01 bản đăng ký kèm 02 ảnh chân dung (4 cm x 6 cm); một bì thư ghi đầy đủ địa chỉ của UV ở phần người nhận; Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 10 tại HĐGSCS do ứng viên lựa chọn và đăng ký HS điện tử trực tuyến trên Trang TTĐT của CSGDĐH (nơi nhận hồ sơ) và trên Trang TTĐT của HĐGSNN.

E. Hồ sơ và quy trình xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư (7)

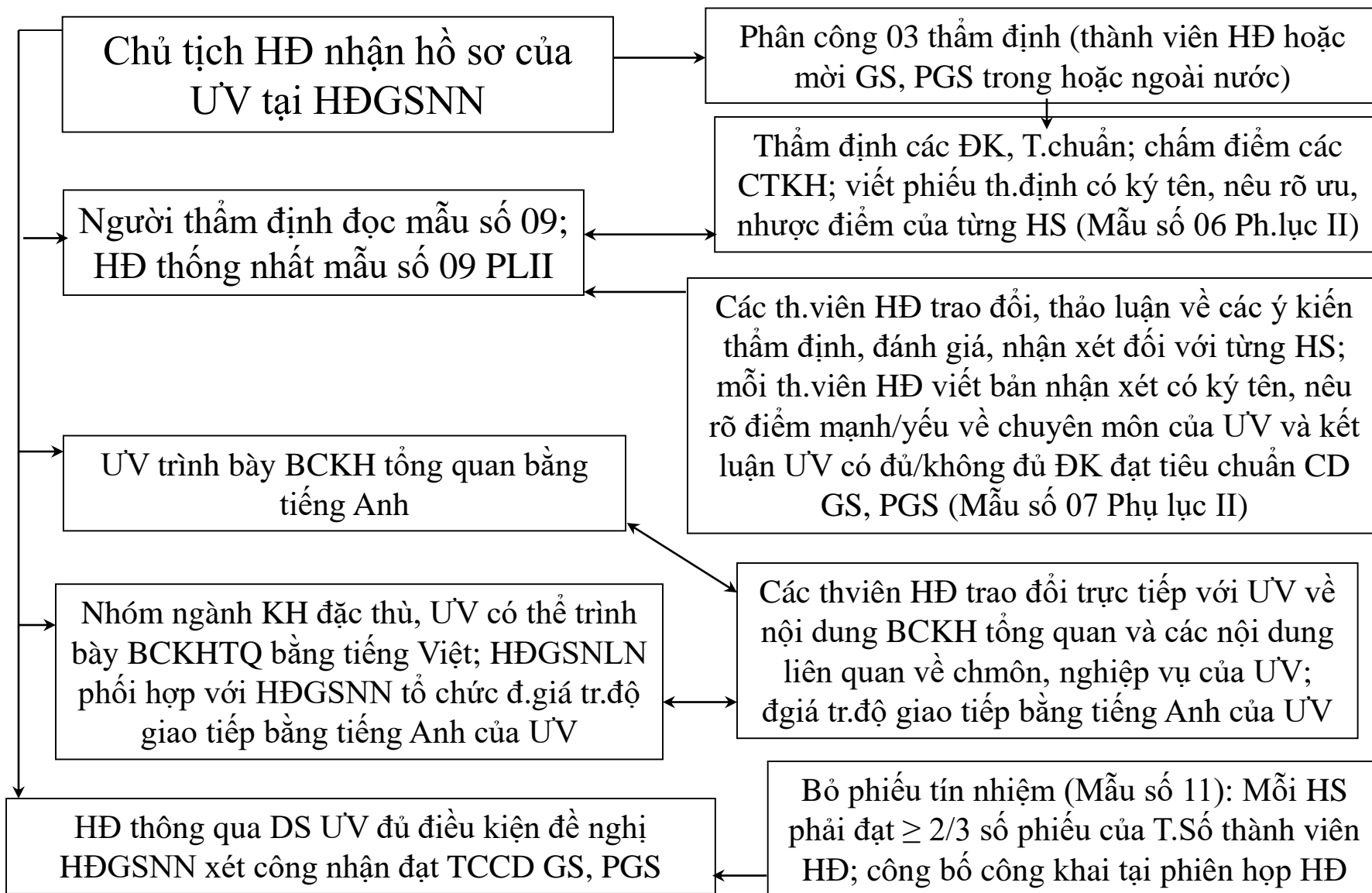
3. Hồ sơ điện tử của ứng viên phải công khai trên Trang Thông tin điện tử của CSGDĐH (nơi nhận hồ sơ) và Trang Thông tin điện tử của HĐGSNN.
4. Các công trình khoa học của ứng viên có nội dung liên quan đến bí mật nhà nước phải có xác nhận của thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền và không công khai trên Trang Thông tin điện tử.

QUY TRÌNH XÉT DUYỆT

I. Trình tự xét tại CSGDDH (khoản 2 Điều 12)



II. Trình tự xét tại HĐGS ngành/liên ngành (khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 19)



III. Công khai kết quả xét ở HĐGSCS và HĐGSNLN

| HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ CƠ SỞ (khoản 3 Điều 12) | HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH, LN (khoản 6 Điều 19) |
|---|--|
| <p>- Chủ tịch HĐ tổ chức tổng hợp kết quả xét của HĐ; công khai trên trang TTĐT của CSGDDH và BC kết quả xét lên người đứng đầu CSGDDH;</p> <p>- Sau công khai ≥ 15 ngày, người đứng đầu CSGDDH báo cáo kết quả xét lên HĐGSNN.</p> | <p>- Công khai kết quả xét của HĐ ít nhất 15 ngày trên Trang TTĐT của HĐGSNN trước khi báo cáo kết quả xét lên HĐGSNN;</p> <p>- Nội dung công khai: tổng điểm và điểm quy đổi từ các bài báo KH, sách phục vụ đào tạo; bằng độc quyền SC/GPHI; tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.</p> |

IV. Tài liệu, hồ sơ cần nộp về Văn phòng HĐGSNN

| Hồ sơ BC kết quả xét của CSGDDH (Khoản 4 Điều 12) | Hồ sơ BC kết quả xét của HĐGSN, LN (Khoản 7 Điều 19) |
|---|---|
| <p>a) Công văn của người đứng đầu CSGDDH đề nghị HĐGSNN xét công nhận đạt TCCD GS, PGS cho UV;</p> <p>b) Báo cáo kết quả xét của HĐGSCS (Mẫu số 14 Phụ lục II);</p> <p>c) Danh sách UV được đề nghị xét công nhận đạt TCCD GS, PGS;</p> <p>d) Bản trích ngang các tiêu chuẩn của các UV (Mẫu số 08);</p> <p>đ) Biên bản chi tiết các cuộc họp của HĐ (Mẫu số 12);</p> | <p>a) Báo cáo về KQ xét của Chủ tịch HĐGSN, LN (Mẫu số 14);</p> <p>b) Danh sách UV được đề nghị công nhận đạt TCCD GS, PGS;</p> <p>c) Bản trích ngang các tiêu chuẩn của các UV (Mẫu số 09);</p> <p>d) Biên bản chi tiết các cuộc họp của HĐ (Mẫu số 12);</p> <p>đ) Bản thẩm định hồ sơ của ứng viên có ký tên của người thẩm định;</p> |

IV. Tài liệu, hồ sơ cần nộp về Văn phòng HĐGSNN

| Hồ sơ BC kết quả xét của CSGDDH (Khoản 4 Điều 12) | Hồ sơ BC kết quả xét của HĐGS ngành, LN (Khoản 7 Điều 19) |
|--|--|
| e) Phiếu thẩm định có ký tên đối với từng hồ sơ; g) Biên bản kiểm phiếu và phiếu tín nhiệm của thành viên Hội đồng (Mẫu số 11); h) Bộ hồ sơ in trên giấy của UV được đề nghị công nhận đạt TCCD GS, PGS. | e) Bản nhận xét của thành viên Hội đồng đối với từng hồ sơ của ứng viên (Mẫu số 07); g) Biên bản kiểm phiếu và phiếu tín nhiệm của thành viên HĐ (Mẫu số 11); h) Bộ hồ sơ in trên giấy của ứng viên được đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS. |

Lưu ý: Nếu có UV đăng ký xét đặc cách thì nộp thêm: Báo cáo của Chủ tịch HĐGSCS/HĐGSNLN về thành tích những đóng góp nổi trội cho sự nghiệp KH-CN của đất nước và thế giới của ứng viên.

V. Trình tự xét tại Hội đồng Giáo sư nhà nước (Điều 20)

1. Chủ tịch HĐGSNN tổ chức họp để Chủ tịch HĐGS ngành, liên ngành báo cáo kết quả xét và trả lời chất vấn của thành viên HĐGSNN.
2. Thành viên HĐGSNN trao đổi, thảo luận công khai, dân chủ về kết quả thẩm định hồ sơ và việc tổ chức xét của HĐGS ngành, liên ngành.
3. Bầu Ban kiểm phiếu và tiến hành bỏ phiếu (Mẫu số 11, Phụ lục II) đối với kết quả xét của HĐGS ngành, liên ngành và danh sách ứng viên đủ điều kiện được công nhận đạt TCCD GS, PGS. Kết quả bỏ phiếu phải đạt trên 1/2 tổng số thành viên HĐGSNN đồng ý.

V. Trình tự xét tại Hội đồng Giáo sư nhà nước (Điều 20 – tiếp)

4. HĐGSNN thông qua Nghị quyết kỳ họp, công bố kết quả trên Trang TTĐT của HĐGSNN và Cổng TTĐT của Bộ GD&ĐT.

5. Công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư:

a) Căn cứ Nghị quyết của kỳ họp, sau thời hạn 15 ngày công bố kết quả, Chủ tịch HĐGSNN ký quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận đạt TCCD GS, PGS cho các ứng viên. Hết thời hạn 05 năm kể từ ngày có quyết định công nhận đạt TC, nếu UV không được bổ nhiệm CD GS, PGS tại CSGDDH thì QĐ này hết hiệu lực;

b) HĐGSNN có trách nhiệm gửi quyết định kèm theo DS GV được công nhận đạt TCCD GS, PGS tới Bộ GD&ĐT, các CSGDDH, các tổ chức, cá nhân có liên quan và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

VI. Người thẩm định hồ sơ (Điều 22)

1. Người thẩm định HS phải cùng ngành, chuyên ngành với UV đăng ký; mỗi HS đăng ký xét GS phải có ít nhất 03 GS thẩm định; mỗi HS đăng ký xét PGS phải có ít nhất 03 GS hoặc PGS thẩm định;
2. Các HĐGSCS, HĐGSN/LN có thể mời các GS, PGS trong/ngoài nước am hiểu chuyên môn của UV, có uy tín khoa học cao, có phẩm chất tốt, trung thực để thẩm định toàn phần hoặc từng phần HS UV.
3. Người thẩm định HS và KQ th.định được giữ bí mật đến khi công khai KQ xét trên Trang TTĐT của HĐGSNN.
 - Nếu người thẩm định không phải thành viên HĐ thì cần tự niêm phong KQ thẩm định và chuyển cho thường trực HĐ để mở niêm phong công bố trong cuộc họp của HĐ.
 - Người thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, đánh giá, nhận xét của mình đối với hồ sơ ứng viên.

(Chú ý: Người thẩm định phải trực tiếp thẩm định hồ sơ, không ủy quyền, không nhờ làm hộ)

Khoản 1, Điều 19: “Người thẩm định phải chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, đánh giá, nhận xét của mình đối với hồ sơ của ứng viên”.

Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (1)

(Kèm theo công văn số 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGSNN)

1. Mẫu số 01. Bản đăng ký, lưu ý kê khai:

- *Mục A.13*: Các hướng nghiên cứu chủ yếu cần phải phù hợp với các hướng nghiên cứu trong BCKH tổng quan.
- *Về giờ giảng (Bảng B.2)*: Ghi rõ số giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp, số giờ (chuẩn) quy đổi, số giờ định mức (theo QĐ64, TT47, TT20) của từng năm học, ví dụ 180/310/270; *Không tính giờ hướng dẫn NCS, HVCH của năm quá hạn.*

Lưu ý:

- + Từ ngày 11/9/2020, áp dụng Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020, số giờ định mức theo quy định của CSGDDH.
- + Khi upload Mẫu số 1, UV cần upload cả file pdf và file word.

| STT | Nội dung minh chứng | Danh sách file đã tải lên | Tác vụ |
|------|---|---------------------------|---|
| 1.1a | Bản đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư (file PDF) (Mẫu số 01 CV số 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021) | 1. giai3procon.pdf |  |
| 1.1b | Bản đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư (file Word) (Mẫu số 01 CV số 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021) | 1. k20.docx |  |

Đóng

Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (2)

(Kèm theo công văn số 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGSNN)

- Về biên soạn sách (Bảng B.5): Làm rõ chủ biên và phần biên soạn;
- Về bài báo khoa học: Phải được xuất bản trước ngày hết hạn nộp hồ sơ (30/7/2021); liên hệ chặt chẽ với hướng nghiên cứu; cần nêu rõ tác giả chính, loại tạp chí;
- + Bảng B.7.1a cần làm rõ: loại tạp chí quốc tế, số lần trích dẫn (nếu có); số lượng bài báo đăng trên TCQTUT, là tác giả chính sau PGS/TS.
- + Bảng B.7.1.b: Dành cho chuyên ngành theo Quyết định 25, chú ý đánh dấu các tạp chí KH thuộc danh mục uy tín của ngành; số lượng bài báo đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành sau PGS/TS.

Lưu ý: Các BBKH trên các tạp chí trong danh mục *Predatory Journals, Beal List, Open access...*, sẽ được thẩm định kỹ về chất lượng.

- Về tiêu chuẩn không đủ (Mục B.9): UV tự xác định tiêu chuẩn không đủ và đề xuất công trình khoa học thay thế;

Lưu ý: Các CTKH thay thế tiêu chuẩn không đủ về HD và đề tài KH không được đưa vào danh mục được tính điểm và tổng điểm CTKH quy đổi của ứng viên (tránh tính trùng 2 lần).

Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (3)

(Kèm theo công văn số 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGSNN)

2. Mẫu số 02. Bản xác nhận của cơ sở đào tạo, lưu ý:

- **Mục 6:** Xác nhận định mức giờ chuẩn theo chức vụ đối với giảng viên cơ hữu của cơ sở đào tạo

Lưu ý: Từ ngày 11/9/2020, áp dụng Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020, số giờ định mức theo quy định của CSGDDH => Định mức giờ giảng của giảng viên cơ hữu là cơ sở để xác định định mức giờ giảng của giảng viên đến thỉnh giảng.

- **Mục 7:** Xác nhận kết quả của từng công việc giảng dạy (số giờ giảng trực tiếp, số giờ quy đổi) theo từng học kỳ, từng năm học;

- **Mục 8:** có nhận xét, đánh giá về uy tín khoa học, tính trung thực và bị kỷ luật (nếu có).

Lưu ý: Nếu là GV thỉnh giảng phải có bản xác nhận của các CSGDDH đã đến thỉnh giảng; từ ngày 11/9/2020 (áp dụng Thông tư 20), định mức giờ giảng của giảng viên thỉnh giảng là $\frac{1}{2}$ định mức giờ giảng đối với giảng viên cơ hữu của CSGDDH, nơi GV đến thỉnh giảng.

Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (4)

(Kèm theo công văn số 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGSNN)

3. Mẫu số 03. Báo cáo khoa học tổng quan, lưu ý:

- Phần nội dung:

+ Tập trung làm rõ các hướng nghiên cứu với các nội dung sau: Lý do triển khai hướng nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu; các kết quả NCKH và đào tạo gắn với hướng nghiên cứu => Cần thống kê theo thứ tự trong Mẫu 01 các công trình khoa học đã được công bố/công nhận theo từng hướng nghiên cứu;

+ Phân tích làm nổi bật mối liên hệ chặt chẽ của từng hướng nghiên cứu với các kết quả NCKH và đào tạo trong hướng nghiên cứu đó;

- Phần kết luận:

+ Định hướng nghiên cứu trong tương lai;

+ Khẳng định tiêu chuẩn đã đạt được đáp ứng với CD GS/PGS.

Lưu ý: Các công trình khoa học được tính điểm theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 Quyết định 37 phải phù hợp với các hướng nghiên cứu được phân tích trong Báo cáo khoa học tổng quan.

Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (5)

(Kèm theo công văn số 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGSNN)

3. Mẫu số 05A. Phiếu thẩm định hồ sơ tại HĐGSCS, lưu ý:

- **Mục B.4:** Thẩm định cả 6 năm kê khai, không chỉ cho 3 năm cuối (*Lưu ý: Từ ngày 11/9/2020, áp dụng Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020, số giờ định mức theo quy định của CSGDĐH*);
- **Mục B.6:** Đọc kỹ BCKHTQ, đánh giá các kết quả NCKH và đào tạo theo từng hướng nghiên cứu; kết quả đánh giá là cơ sở để xác định các tiêu chuẩn trong các mục 7, 8, 9, 10, 11, 12.
- **Mục B.8-10:** Thẩm định các loại sách biên soạn và các CTKH mà UV tham gia, sơ bộ chấm điểm các loại sách, CTKH => Cơ sở để khẳng định mức độ đạt theo tiêu chuẩn quy định;
Lưu ý: Các bài báo KH phải được xuất bản trước ngày hết hạn nộp hồ sơ (30/7/2021); thẩm định kỹ chất lượng của các BB KH trên tạp chí trong danh mục Predatory Journals, Beal list, Open access ...
- **Mục B.11:** Xác định CTKH mà ứng viên là tác giả chính sau PGS/TS;
- **Mục B.12:** XĐ tiêu chuẩn không đủ; sự hợp lý của các CTKH thay thế;
- **Mục C:** Nhận xét và khẳng định mức độ đạt theo tiêu chuẩn quy định.

Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (6)

(Kèm theo công văn số 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGSNN)

3. Mẫu số 05B. Phiếu thẩm định hồ sơ tại HĐGSCS đối với các chuyên ngành thuộc Quyết định 25, lưu ý:

- **Mục B.4, Mục B.6:** lưu ý như đối với Mẫu 5A.
- **Mục B.8:** Thẩm định sách của UV và sơ bộ chấm điểm theo từng quyển sách;
- **Mục B.10:** Làm rõ số lượng và điểm của các BBKH đăng trên tạp chí uy tín của ngành sau PGS/TS và các BBKH trên tạp chí uy tín của ngành, là tác giả chính sau PGS/TS; thống kê danh mục các BBKH (Bảng 10.1) và danh mục các BCKH (Bảng 10.2).

Lưu ý: + Các bài báo KH phải được xuất bản trước ngày hết hạn nộp hồ sơ (30/7/2021); xem xét định dạng của các bài báo khoa học, có thuộc mục nghiên cứu – trao đổi của các tạp chí?

+ **HĐGSCS chấm điểm các CTKH là cơ sở để khẳng định mức độ đạt theo tiêu chuẩn quy định.**

- **Mục B.11, B.12:** Xác định điểm bù cho các tiêu chuẩn không đủ; tổng hợp kết quả chấm điểm sau khi đã bù theo quy định (Cơ cấu điểm và tổng số điểm quy đổi; điểm điều kiện).
- **Mục C:** Nhận xét và khẳng định mức độ đạt theo tiêu chuẩn quy định.

Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (7)

(Kèm theo công văn số 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGSNN)

4. Mẫu số 06A. Phiếu thẩm định HS tại HĐGSN/LN, lưu ý:

- **Mục B.3:** Thẩm định cả 6 năm kê khai, không chỉ 3 năm cuối (**Lưu ý:** Từ ngày 11/9/2020, áp dụng Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020, số giờ định mức theo quy định của CSGDĐH)
- **Mục B.4:** Đọc kỹ BCKHTQ, đánh giá các kết quả NCKH và đào tạo theo từng hướng nghiên cứu; kết quả đánh giá là cơ sở để xác định các tiêu chuẩn trong các mục 5, 6, 7, 8;
- **Mục B.7:** Thẩm định sách của UV và chấm điểm theo từng quyển;
- **Mục B.8:** Thẩm định và chấm điểm các CTKH => **Lưu ý:** Các bài báo KH phải được xuất bản trước ngày hết hạn nộp hồ sơ (30/7/2021); thẩm định kỹ chất lượng của các BBKH trên tạp chí trong danh mục *Predatory Journals, Beal list, Open access ...*
- **Tổng hợp kết quả:** XĐ tiêu chuẩn không đủ, sự hợp lý của những CTKH thay thế; Nhận xét và khẳng định mức độ đạt theo tiêu chuẩn quy định.

Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (8)

(Kèm theo công văn số 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGSNN)

4. Mẫu số 06B. Phiếu thẩm định HS tại HĐGSN/LN đối với các chuyên ngành thuộc Quyết định 25, lưu ý:

- **Mục B.3, B.4:** lưu ý như đối với Mẫu 6A.
- **Mục B.7:** Thẩm định sách của UV và chấm điểm theo từng quyển.
- **Mục B.8:** Làm rõ số lượng và điểm của các BBKH đăng trên tạp chí uy tín của ngành sau PGS/TS và các BBKH trên tạp chí uy tín của ngành, là tác giả chính sau PGS/TS; thống kê danh mục các BBKH (Bảng 8.1) và danh mục các BCKH (Bảng 8.2).

Lưu ý: Các bài báo KH phải được xuất bản trước ngày hết hạn nộp hồ sơ (30/7/2021); Xem xét định dạng của các bài báo khoa học, có thuộc mục nghiên cứu – trao đổi của các tạp chí?

- **Mục B.9, B.10:** Xác định điểm bù cho các tiêu chuẩn không đủ; tổng hợp kết quả chấm điểm sau khi đã bù theo quy định (Cơ cấu điểm và tổng số điểm quy đổi; điểm điều kiện).
- **Mục C:** Nhận xét và khẳng định mức độ đạt theo tiêu chuẩn quy định.

Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (9)

(Kèm theo công văn số 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGSNN)

5. Mẫu số 08A. Bản trích ngang các tiêu chuẩn của HĐGSCS

- **Cột 11, 12, 13:** Ghi số giờ trực tiếp/giờ chuẩn trong 3 năm cuối;
- **Cột 25:** Sách CK, chương sách do UV là chủ biên hoặc viết một mình;
- **Cột 35:** Tác giả chính theo quy định cụ thể HĐGSN, LN tại Quyết định phê duyệt Danh mục tạp chí được tính điểm của Chủ tịch HĐGSNN.

Lưu ý: + Cần ghi chú rõ tên CTKH thay thế cho chuẩn không đủ;

+ Các công trình khoa học được tính điểm theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 Quyết định 37 và phù hợp với các hướng nghiên cứu được phân tích trong BCKH tổng quan của ứng viên;

+ Các công trình khoa học đề xuất thay thế tiêu chuẩn không đủ về HD và đề tài KH **không được đưa vào** danh mục được tính điểm và tổng điểm CTKH quy đổi của ứng viên (tránh tính trùng 2 lần);

+ Các bài báo khoa học phải được xuất bản trước ngày hết hạn nộp hồ sơ (30/7/2021);

+ Thẩm định kỹ chất lượng của các BB KH trên tạp chí thuộc các danh mục *Predatory Journals, Beal list, Open access ...*

Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (10)

(Kèm theo công văn số 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGSNN)

5. Mẫu số 08B. Bản trích ngang các tiêu chuẩn của HĐGSCS đối với các chuyên ngành thuộc Quyết định 25, lưu ý:

- **Cột 11, 12, 13:** Như Mẫu 8A;
- **Cột 25:** Sách CK do UV là chủ biên hoặc viết một mình;
- **Cột 32:** Tạp chí uy tín của ngành được theo quy định tại Quyết định 25;
- **Cột 36:** Tác giả chính theo quy định cụ thể HĐGSN, LN tại Quyết định phê duyệt Danh mục tạp chí được tính điểm của Chủ tịch HĐGSNN.
- **Cột 38, 39, 40, 41:** Số điểm cần bù cho các tiêu chuẩn không đủ.
- **Cột 42, 43, 44:** Tổng hợp điểm sau khi bù cho các tiêu chuẩn không đủ.

Lưu ý: + Các công trình khoa học được tính điểm theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 Quyết định 37 và phù hợp với các hướng nghiên cứu được phân tích trong BCKH tổng quan của ứng viên; Các bài báo khoa học phải được xuất bản trước ngày hết hạn nộp hồ sơ (30/7/2021); Xem xét định dạng của các bài báo khoa học, có thuộc mục nghiên cứu – trao đổi của các tạp chí?

+ HĐGSCS chấm điểm các CTKH là cơ sở để khẳng định mức độ đạt theo tiêu chuẩn quy định.

Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (11)

(Kèm theo công văn số 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGSNN)

6. Mẫu số 09A. Bản trích ngang các tiêu chuẩn của HĐGSN/LN

- **Cột 9, 10, 11:** Ghi số giờ trực tiếp/giờ chuẩn trong 3 năm cuối;
- **Cột 26:** Số sách CK, chương sách do UV là CB hoặc viết một mình;
- **Cột 32:** Tác giả chính theo quy định cụ thể của HĐGSN, LN tại QĐ phê duyệt DM tạp chí được tính điểm của Chủ tịch HĐGSNN;
- **Cột 39:** Đánh giá BCKH tổng quan (nội dung và trình bày của UV).

Lưu ý: + Cần ghi chú rõ tên CTKH thay thế cho T.chuẩn không đủ;

+ Các CTKH được tính điểm theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 Quyết định 37 và phù hợp với các hướng nghiên cứu được phân tích trong BCKH tổng quan của ứng viên;

+ Các công trình khoa học thay thế tiêu chuẩn không đủ về HD và đề tài KH không được đưa vào danh mục được tính điểm và tổng điểm CTKH quy đổi của ứng viên (tránh tính trùng 2 lần).

+ Các bài báo khoa học phải được xuất bản trước ngày hết hạn nộp hồ sơ (30/7/2021); thẩm định kỹ chất lượng của các BB KH trên tạp chí thuộc danh mục *Predatory Journals, Beal list, Open access ...*

Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (12)

(Kèm theo công văn số 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGSNN)

6. Mẫu số 09B. Bản trích ngang các tiêu chuẩn của HĐGSN/LN đối với các chuyên ngành thuộc Quyết định 25, lưu ý:

- **Cột 9, 10, 11:** Như Mẫu 9A;
- **Cột 25:** Số sách CK, chương sách do UV là CB hoặc viết một mình;
- **Cột 27:** Tạp chí uy tín của ngành được theo quy định tại Quyết định 25;
- **Cột 31:** Tác giả chính theo quy định cụ thể của HĐGSN, LN tại QĐ phê duyệt DM tạp chí được tính điểm của Chủ tịch HĐGSNN;
- **Cột 37:** Đánh giá BCKH tổng quan (nội dung và trình bày của UV).
- **Cột 38, 39, 40, 41:** Số điểm cần bù cho các tiêu chuẩn không đủ.
- **Cột 42, 43, 44:** Tổng hợp điểm sau khi đã bù cho các tiêu chuẩn không đủ.

Lưu ý: Các CTKH được tính điểm theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 Quyết định 37 và phù hợp với các hướng nghiên cứu được phân tích trong BCKH tổng quan của ứng viên; Các BBKH phải được xuất bản trước ngày hết hạn nộp hồ sơ (30/7/2021); Xem xét định dạng của các BBKH, có thuộc mục nghiên cứu – trao đổi của các tạp chí?

Xin cảm ơn!